TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP.HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2019/QĐ-HNGĐ	*B, ngày 19 tháng 04 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; 213 và khoản 3, Điều 147 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25; điểm d, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý: 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019.

Về việc: Chia tài sản chung sau ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Đ, sinh năm: 1965;

HKTT: Thôn Tuấn Xuyên, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1965;

HKTT: Thôn Tuấn Xuyên, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội. Do ông Bạch Công T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân đại diện.

Địa chỉ: Đường Quảng Oai, thị trấn T, huyện B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q, Phó trưởng phòng Quản lý đô thị huyện B.

2. Chị Trần Thị Nh, sinh năm: 1972;

HKTT: Thôn Tuấn Xuyên, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phùng Thị Đ và ông Nguyễn Văn Q cùng thỏa thuận cụ thể như sau:

1. Bà Đ và ông Q tự thỏa thuận chia đôi mỗi người là 1,5 gian nhà tự xây trên diện tích đất lấn chiếm đã có gianh giới rõ ràng giữa hai bên và không yêu cầu Tòa án huyện B phải giải quyết chia lại nữa (*Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết).*

2. Số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) mà ông Nguyễn Văn Q đã nhận của bà Phùng Thị Đ. Nay ông Q hoàn trả lại cho bà Đ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Số tiền này hai bên đã giao nhận cho nhau xong tại Tòa án.

3. Về khoản tiền được hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái Đ cư đường TL 411 tại Thôn Tuấn Xuyên, xã V, huyện B, Hà Nội, Có giải phóng mặt bằng vào tài sản của ông Nguyễn Văn Q và bà Phùng Thị Đ. Nay Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái Đ cư đường TL 411 đã tiến hành đo vẽ và kiểm đếm tài sản của ông Q và bà Đ nhưng chưa áp giá đối với số tài sản trên. Ông Q và bà Đ thống nhất, sau này số tiền được hỗ trợ bồi thường được bao nhiêu sẽ chia đôi mỗi người một nửa.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phùng Thị Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 500.000đ tiền án phí dân sự về tài sản. Tổng cộng bà Đ phải nộp: 800.000đ. Nay khấu trừ vào số tiền 4.375.000đ bà Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009153 ngày 7/03/2019. Hoàn lại cho bà Phùng Thị Đ số tiền 3.575.000đ (*Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn*).

4. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THA huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HS;*

THẨM PHÁN

Đặng Trung Thành